

HIỆP ĐỊNH
GIỮA VN-ĐẠI HẠN DÂN QUỐC VỀ TRÁNH ĐÁNH THUẾ
HAI LẦN VÀ NGĂN NGỪA VIỆC TRÓN LẬU THUẾ ĐỐI VỚI THUẾ ĐÁNH VÀO
THU NHẬP
Ngày 20 tháng 05 năm 1994

Với mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập. Hai bên đã thỏa thuận như sau

Điều 1

Phạm vi áp dụng

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

Điều 2

Các loại thuế bao gồm trong Hiệp định

1/ Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở, hay chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2/ Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các khoản thuế đối với lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, thuế đánh vào tổng số tiền lương do xí nghiệp trả cũng như thuế đánh vào phần vốn tăng thêm, đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3/ Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. trong trường hợp đối với Việt Nam:

- (i) thuế thu nhập cá nhân;
 - (ii) thuế lợi tức; và
 - (iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;
- (dưới đây được gọi là "thuế Việt Nam");

b. trong trường hợp đối với Hàn Quốc:

- (i) thuế thu nhập;
- (ii) thuế công ty; và
- (iii) thuế cư trú;

(dưới đây được gọi là "thuế Hàn quốc").

4/ Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký kết Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi cơ bản trong luật thuế của từng Nước.

Điều 3

Các định nghĩa chung

1/ Theo Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a. Từ "Việt Nam" có nghĩa là Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ đó bao gồm toàn bộ lãnh thổ Quốc gia Việt Nam, kể cả lãnh hải Việt Nam, và mọi vùng ở ngoài lãnh hải Việt Nam mà theo luật pháp Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt Nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

b. Từ "Hàn Quốc" có nghĩa lãnh thổ Đại Hàn Dân Quốc bao gồm bất kỳ vùng nào đi liền với lãnh hải của Đại Hàn Dân Quốc mà theo luật pháp quốc tế đã là, hay sau này được quy định theo các luật của Đại Hàn Dân Quốc là vùng Đại Hàn Dân Quốc có thể thực hiện quyền chủ quyền đối với lòng biển và lòng đất dưới đáy biển và các tài nguyên thiên nhiên ở đó;

c. Thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hay Hàn Quốc tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

d. Thuật ngữ "thuế" có nghĩa là thuế Việt Nam hay thuế Hàn quốc tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

e. Thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty và bất kỳ tổ chức nhiều đối tượng nào khác;

f. Thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

g. Thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết" và "xí nghiệp của Nước ký kết kia" có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

h. Thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) Bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch một Nước ký kết;

(ii) Bất kỳ pháp nhân, tổ chức hùn vốn và hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

i. Thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một xí nghiệp của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia; và

j. Thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) Trong trường hợp đối với Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng; và

(ii) Trong trường hợp đối với Hàn Quốc, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng.

2/ Trong khi một nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

Điều 4

Đối tượng cư trú

1/ Theo nghĩa trong Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở đầu não hay trụ sở chính, trụ sở điều hành hoặc bất cứ tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự.

2/ Trường hợp theo những quy định tại khoản 1 khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. Cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú. Nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b. Nếu như không thể xác định được Nước ký kết mà ở đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước nơi cá nhân đó thường sống;

c. Nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước, hay không thường sống tại Nước nào, thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết nơi cá nhân đó mang quốc tịch;

d. Nếu cá nhân đó mang quốc tịch của cả hai Nước ký kết hay không mang quốc tịch của Nước nào thì nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của hai Nước ký kết, lúc đó, đối tượng trên sẽ là được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết nơi đóng trụ sở điều hành thực tế của đối tượng đó. Trường hợp không xác định được, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước sẽ giải quyết vấn đề này bằng thỏa thuận chung.

Điều 5

Cơ sở thường trú

1/ Theo Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a. Trụ sở điều hành;

b. Thi nhánh;

c. Tán phòng;

d. Thà máy;

e. Xưởng; và

f. Mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác.

3/ Một địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hay sẽ tạo nên một cơ sở thường trú chỉ khi địa điểm hay công trình đó kéo dài hơn 6 tháng;

4/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

a. Việc sử dụng các phương tiện riêng cho mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp;

b. Việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

c. Việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp với mục đích chỉ để cho xí nghiệp khác gia công;

d. Việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp đó;

e. Việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho xí nghiệp;

f. Việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích kết hợp bất kỳ hoạt động nào nêu từ điểm (a) tới điểm (e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định từ sự kết hợp trên mang tính chất chuẩn bị hay phụ trợ.

5/ Mặc dù những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 6 - hoạt động thay mặt cho một xí nghiệp và đối tượng đó có thường xuyên thực hiện tại một Nước ký kết thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp thì xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước đó đối với các hoạt động mà đối tượng này thực hiện cho xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng này chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện

thông qua một cơ sở kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó.

6/ Một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có cơ sở thường trú ở Nước ký kết kia nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước kia thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ.

7/ Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

Điều 6

Thu nhập từ bất động sản

1/ Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản. Trong mọi trường hợp, thuật ngữ này sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo như những quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hay thay đổi dưới dạng tiền công trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy, thuyền và máy bay không được coi là bất động sản.

3/ Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

Điều 7

Lợi tức doanh nghiệp

1/ Lợi tức của một xí nghiệp tại một Nước ký kết sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú đó.

2/ Thẻ theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động

tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là thường trú.

3/ Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ tất cả các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho hoạt động kinh doanh của cơ sở thường trú đó bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung, mặc dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác.

4/ Không có khoản lợi tức nào được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hóa hoặc tài sản cho xí nghiệp.

5/ Theo nội dung tại các khoản trên, các khoản lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để thay đổi phương pháp tính.

6/ Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

Điều 8

Vận tải biển và vận tải hàng không

1/ Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

Điều 9

Những xí nghiệp liên kết

Khi:

a. Một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết kia, hoặc;

b. Các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và phải thu thuế tương ứng.

Điều 10

Tiền lãi cổ phần

1/ Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo luật pháp của Nước kết đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì thuế khi đó phải nộp không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần.

Khoản này sẽ không ảnh hưởng đến việc đánh thuế công ty đối với các khoản lợi tức dùng để chia tiền lãi cổ phần.

3/ Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, hoặc các quyền lợi khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết có tiến hành hoạt động doanh nghiệp tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp nêu trên, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi tức hay thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

Điều 11

Lãi tiền cho vay

1/ Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo luật pháp của Nước đó, nhưng nếu người nhận là người thực hưởng các khoản tiền lãi này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không quá 10% của tổng số khoản lãi tiền cho vay.

3/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 2, lãi tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và trả cho Chính phủ của Nước ký kết kia bao gồm cả các cơ qua chính quyền cơ sở và chính quyền địa phương tại Nước đó, trả cho Ngân hàng trung ương của Nước ký kết kia hay bất kỳ tổ chức tài chính nào thực hiện các chức năng có tính chất Chính phủ hay trả cho bất kỳ đối

tượng cư trú nào của Nước ký kết kia đối với khoản cho vay nợ do Chính phủ của Nước ký kết kia bao gồm cả các cơ quan chính quyền cơ sở và chính quyền địa phương Nước đó, Ngân hàng Trung ương của Nước ký kết kia hay bất kỳ cơ sở tài chính nào thực hiện chức năng có tính chất Chính phủ, bảo lãnh hay gián tiếp tài trợ sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất.

4/ Theo nội dung của khoản 3, thuật ngữ "Ngân hàng Trung ương và bất kỳ cơ sở tài chính thực hiện chức năng có tính chất Chính phủ" có nghĩa là:

a. Trong trường hợp đối với Việt Nam:

(i) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

(ii) Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và cơ sở tài chính khác thực hiện các chức năng có tính chất Chính phủ như được quy định chi tiết và được thỏa thuận trong các công hàm trao đổi giữa các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết;

b. trong trường hợp đối với Hàn quốc:

(i) Ngân hàng Hàn quốc;

(ii) Ngân hàng xuất-nhập khẩu Hàn quốc, Ngân hàng phát triển Hàn quốc và cơ sở tài chính khác thực hiện các chức năng có tính chất Chính phủ như được quy định chi tiết và được thỏa thuận trong các công hàm trao đổi giữa các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết.

5/ Thuật ngữ "lãi tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó.

6/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không được áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động doanh nghiệp tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi tiền vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

7/ Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương, hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

8/ Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản lãi tiền cho vay liên quan đến khoản nợ phải trả tiền lãi vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối

tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 12

Tiền bản quyền

1/ Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể phải chịu thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo luật của Nước này, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá:

a. 5% tổng số tiền bản quyền trong trường hợp là khoản tiền thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào trả cho việc sử dụng hay quyền sử dụng bằng phát minh, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hay khoa học hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hay khoa học.

b. 15% tổng số tiền bản quyền trong tất cả các trường hợp khác.

3/ Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hay các loại băng dùng trong phát thanh và truyền hình, băng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc qui trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động doanh nghiệp ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền được trả đối với việc sử dụng, quyền hoặc thông tin, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 13

Lợi tức từ chuyển nhượng tài sản

1/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và bất động sản đó nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Những khoản lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế hay từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của tàu thủy hay máy bay đó, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi xí nghiệp là đối tượng cư trú.

4/ Lợi tức thu từ việc chuyển nhượng các cổ phiếu trong cổ phần của một công ty có tài sản bao gồm trực tiếp hay gián tiếp chủ yếu là bất động sản nằm tại một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

5/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại khoản 1, 2 và 3 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

Điều 14

Hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập

1/ Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động có tính chất độc lập khác sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ khi đối tượng đó thường xuyên có một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia nhằm mục đích thực hiện các hoạt động của mình. Nếu đối tượng đó có một cơ sở cố định như trên, thu nhập có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nhưng chỉ trên phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó.

2/ Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, bác sĩ nha sĩ và kế toán viên.

Điều 15

Hoạt động dịch vụ cá nhân phụ thuộc

1/ Thẻ theo các quy định tại Điều 16, 18, 19, 20 và 21 các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc lao động được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể phải nộp thuế tại Nước kia.

2/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

a. người nhận tiền công có mặt tại Nước trong một thời gian hoặc nhiều thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng, và

b. chủ lao động hay đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia; và

c. số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà người chủ lao động có tại Nước kia.

3/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế có thể phải nộp thuế tại Nước đó.

Điều 16

Thù lao cho giám đốc

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước kia có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.

Điều 17

Nghệ sĩ và vận động viên

1/ Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể phải nộp thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù có những quy định tại các Điều 7, 14 và 15.

3/ Những quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, thu nhập do các diễn viên hay vận động viên là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ các hoạt động trình diễn tại Nước ký kết kia theo chương trình trao đổi văn hóa đặc biệt được Chính phủ hai Nước ký kết thỏa thuận, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 18: Tiền lương hưu

Thế theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

Điều 19: Phục vụ nhà nước

1.a. Tiền công lao động, trừ tiền lương hưu, do một nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

b. Tuy nhiên khoản tiền công lao động này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này được thực hiện tại nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của nước kia; hoặc

(ii) Không trở thành đối tượng cư trú của nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2.a. Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết, một chính quyền cơ sở hoặc một cơ quan chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương tại Nước đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

b. Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của nước ký kết kia.

3. Các quy định của Điều 15,16 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền công lao động và lương hưu đối với các công việc liên quan đến mọi hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

Điều 20

Sinh viên

1/ Những khoản tiền mà một sinh viên hay thực tập sinh nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo mà người sinh viên hay thực tập sinh này ngay trước khi đến Nước ký kết này đang và đã là người cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, thì không bị đánh thuế tại Nước thứ nhất, với điều kiện những khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước này.

2/ Mặc dù đã có những quy định tại Điều 15, tiền công trả cho các hoạt động phục vụ của sinh viên hay thực tập sinh thực hiện tại một Nước ký kết sẽ không phải nộp thuế tại Nước đó với điều kiện những hoạt động phục vụ đó có liên quan đến hoạt động học tập hay đào tạo của đối tượng đó.

Điều 21

Giáo viên và giáo sư

Một cá nhân hiện tại hay trước kia là đối tượng cư trú của một Nước ký kết ngay trước khi sang Nước ký kết kia và cá nhân đó, thể theo lời mời của bất kỳ trường đại học, trường hay cơ sở giáo dục tương tự khác được Chính phủ của Nước kia coi là tổ chức phi lợi nhuận, sang Nước ký kết kia trong giai đoạn không quá 2 năm kể từ ngày đầu tiên đến Nước ký kết kia, chỉ với mục đích giảng dạy hay nghiên cứu hay cả hai mục đích giảng dạy nghiên cứu như cơ sở giáo dục trên, sẽ được miễn thuế tại Nước kia đối với phần tiền công trả cho hoạt động giảng dạy hay nghiên cứu của cá nhân đó.

Điều 22

Thu nhập khác

1/ Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại các điều khoản trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản như được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước đó, và quyền hay tài sản liên quan đến thu nhập chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp đó những quy định tại Điều 7 và Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

Điều 24

Không phân biệt đối xử

1/ Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2/ Hình thức thuế đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn tại Nước kia so với hình thức thuế áp dụng cho các xí nghiệp tại Nước ký kết kia cùng tiến hành các hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hưởng bất kỳ khoản miễn thu cá nhân, miễn thuế và giảm thuế có xem xét với tư cách dân sự hay trách nhiệm gia đình mà Nước đó cho đối tượng cư trú tại Nước mình được hưởng.

3/ Trừ khi áp dụng các quy định tại Điều 9, khoản 8 Điều 11, hay khoản 6 Điều 12, lãi tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác do một xí nghiệp của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú tại Nước ký kết kia, trong khi xác định lợi tức chịu thuế của xí nghiệp đó theo, sẽ được trừ vào các chi phí theo cùng các điều kiện như trường hợp các khoản tiền trên được trả cho đối tượng cư trú tại Nước ký kết thứ nhất.

4/ Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn do một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia kiểm soát hay sở hữu trực tiếp hay gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ hình thức thuế hay yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan được áp dụng cho các xí nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

5/ Những quy định tại khoản 2 và 4 Điều này sẽ không áp dụng đối với thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt Nam mà trong mọi trường hợp không vượt quá 10 phần trăm tổng số lợi tức chuyển ra nước ngoài và chính sách thuế Việt Nam đối với hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí hay chính sách thuế đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

6/ Không có nội dung nào tại Điều này được giải thích là buộc từng Nước ký kết cho các cá nhân không phải là đối tượng cư trú tại Nước đó được hưởng bất kỳ khoản miễn thu cá nhân, miễn thuế và giảm thuế trong khi tính thuế mà Nước đó cho các cá nhân cư trú tại Nước mình hưởng.

7/ Những quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định.

Điều 25

Các thủ tục thỏa thuận song phương

1/ Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền tại một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng nội dung Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú, hay Nước nơi đối tượng đó mang quốc tịch nếu trường hợp thuộc khoản 1 Điều 24, mặc dù, trong luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định tại Hiệp định này.

2/ Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này.

3/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hay áp dụng Hiệp định này. Hai bên cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong những trường hợp khác chưa được quy định trong Hiệp định này.

4/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp thông báo cho nhau với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của những khoản trên đây. Khi thấy cần thiết phải đối thoại trao đổi quan niệm để đạt được thỏa thuận thì có thể tổ chức trao đổi ý kiến thông qua một uỷ ban gồm các đại diện cho các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết.

Điều 26

Trao đổi thông tin

1/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay các luật trong nước của từng Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này, đặc biệt là, nhằm ngăn chặn việc trốn, lậu thuế. Việc trao đổi thông tin không bị giới hạn bởi Điều 1. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo luật trong nước của Nước này. Tuy nhiên, nếu thông tin ban đầu được coi là thông tin bí mật tại Nước cung cấp thông tin thì thông tin đó chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán, thu, cưỡng chế hay truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ áp dụng các thông tin đó vào mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án.

2/ Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 Điều này được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

- a. Thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;
- b. Cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;
- c. Cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

Điều 27

Các viên chức ngoại giao và lãnh sự

Những nội dung trong Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế của các viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các Hiệp định đặc biệt.

Điều 28

Hiệu lực

1/ Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho Nước ký kết kia việc hoàn thành các thủ tục nội bộ cần thiết theo luật của Nước mình để đưa Hiệp định này vào hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực 30 ngày kể từ lần thông báo sau cùng.

2/ Hiệp định sẽ áp dụng:

a. đối với các khoản thuế khấu trừ tại gốc, thu trên các khoản thu nhập được chi trả hay khấu trừ cho các đối tượng không cư trú kể từ ngày 01 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định có hiệu lực; và

b. đối với các loại thuế khác, trong các năm tính thuế bắt đầu từ hay sau ngày 01 tháng 01 năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 29

Kết thúc Hiệp định

Hiệp định này sẽ có hiệu lực vô thời hạn, nhưng từng Nước ký kết, trước ngày 30 tháng 6 trong bất kỳ năm dương lịch nào kể từ năm thứ 5 sau năm Hiệp định có hiệu lực, có thể gửi qua đường ngoại giao cho Nước ký kết kia thông báo kết thúc Hiệp định bằng văn bản và trong trường hợp đó Hiệp định này sẽ chấm dứt hiệu lực thi hành:

a. Đối với các khoản thuế khấu trừ tại gốc thu trên các khoản thu nhập chi trả hay khấu trừ cho các đối tượng không cư trú kể từ ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch gửi thông báo kết thúc; và

b. Đối với các loại thuế khác trong các năm tính thuế bắt đầu từ hay sau ngày 01 tháng 01 năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc.

Để làm bằng những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định này làm thành hai bản tại Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 1994, mỗi bản gồm các thứ tiếng Việt, tiếng Hàn quốc và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự khác nhau trong quá trình giải thích, bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định.

NGHỊ ĐỊNH THƯ

Tại thời điểm ký kết Hiệp định giữa Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Đại Hàn Dân Quốc về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, những người ký tên dưới đây đã thỏa thuận những điều khoản sau đây sẽ là một bộ phận hợp thành của Hiệp định.

1. Đối với thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài tại điểm 3a) (iii) Điều 2 "Các loại thuế bao gồm trong Hiệp định", lợi tức chuyển ra nước ngoài phải nộp thuế nêu trên tại Việt Nam được hiểu là sẽ chỉ bị đánh thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 10.:

2. Đối với khoản 4 điểm b) Điều 11 "Lãi tiền cho vay" và khoản 4 b) Điều 19 "Phục vụ Chính phủ" Ngân hàng xuất-nhập khẩu Hàn quốc được hiểu là một Ngân hàng do Chính phủ đầu tư,

được lập theo "Đạo luật Ngân hàng xuất-nhập khẩu Hàn quốc", phù hợp với các chính sách của Chính phủ, nhằm khuyến khích sự phát triển mạnh nền kinh tế quốc dân và hợp tác kinh tế với các nước thông qua việc mở rộng sự hỗ trợ về tài chính cần thiết cho các hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu, đầu tư nước ngoài và phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên ở nước ngoài, và ngân hàng đó hoạt động dưới sự kiểm soát và giám sát của Chính phủ Hàn quốc. Ngân hàng phát triển Hàn Quốc cũng được hiểu là một Ngân hàng thuộc sở hữu chính phủ, được thành lập theo "Đạo luật Ngân hàng phát triển Hàn Quốc" nhằm cung cấp và quản lý các quỹ phù hợp với các chính sách của Chính phủ nhằm tài trợ cho các dự án công nghiệp lớn để triển khai việc phát triển công nghiệp và mở rộng kinh tế quốc dân, và ngân hàng đó hoạt động dưới sự kiểm soát và giám sát của Chính phủ Hàn Quốc. Ngoài ra hai Ngân hàng trên không nhận các khoản tiền gửi của công chúng. Do vậy, xem xét tất cả các yếu tố trên hai ngân hàng đó được hiểu là thực hiện các chức năng có tính chất Chính phủ, hoàn toàn khác với các ngân hàng thương mại trên những phương diện này.

3. Đối với Điều 24 "Không phân biệt đối xử" các bên cùng hiểu rằng nếu một Nước ký kết sau này ký kết hay với bất kỳ nước nào khác một Hiệp định thuế trong đó những quy định về không phân biệt đối xử ít phân biệt hơn đối với đối tượng cư trú của Nước ký kết kia so với những quy định hiện tại về không phân biệt đối xử của Hiệp định này thì những quy định trong Hiệp định với nước thứ ba sẽ được áp dụng thích ứng thay thế cho những quy định tại Hiệp định này.

Để làm bằng, những người được ủy quyền dưới đây đã ký vào Nghị định thư này và Nghị định thư này sẽ có hiệu lực và thời hạn thi hành như từng câu chữ ghi trong Hiệp định.

Nghị định thư được làm thành hai bản tại Hà Nội ngày 20 tháng 5 năm 1994 mỗi bản bằng các thứ tiếng Việt, tiếng Hàn quốc và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự khác biệt trong quá trình giải thích, bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định.